TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **361**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2026
V/v tranh chấp: ***Xin ly hôn***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**
Các hội thẩm nhân dân:
1/ Bà **Lê Thị Tuyết Mai**.
2/ Bà **Võ Thị Bích Huyền**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Phi Liễu**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 842/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2026. Về tranh chấp "***Xin ly hôn***". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1556/2026/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2026. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị H,** sinh ngày 24/4/1988.
CCCD số 092188005825 cấp ngày 10/5/2021; SĐT 0775 009 987
Địa chỉ: ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ. Có đơn đề ngày 27/8/2026 xin giải quyết vắng mặt (BL 12).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn S**, sinh ngày 23/9/1984.
CC số 024084005443 cấp ngày 07/10/2025; SĐT 0961 272 590
Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường V, tỉnh Bắc Ninh. Có đơn đề ngày 25/8/2026 xin giải quyết vắng mặt (BL 17).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07/8/2026 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Huỳnh Thị H trình bày: (BL 8-9)

1/ Về hôn nhân: bà và ông Nguyễn Văn S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2010. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ (cũ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 66/HT/xã ngày 28/4/2010. Chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc. Cả hai đã ly thân nhiều năm nay. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Ông Nguyễn Văn S thừa nhận vợ chồng có kết hôn và chung sống hạnh phúc được những năm đầu, sau đó thì thường xuyên bất đồng quan điểm. Ông đã về quê cha mẹ sinh sống và cả hai đã ly thân nhiều năm nay. Bản thân ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. (BL 18-19)

2/ Về con chung: Bà Huỳnh Thị H khai vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Ông S công nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

3/ Về tài sản chung: cả hai thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Nợ chung: cả hai thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nên vụ án được đưa ra xét xử công khai vắng mặt các bên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Văn S xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên được xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, thuộc phạm vi điều chỉnh của luật hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Mặc dù bị đơn có địa chỉ ở Tổ dân phố L, phường V, tỉnh Bắc Ninh nhưng cả hai đều có Đơn thống nhất lựa chọn Tòa án giải quyết vụ kiện ly hôn của hai bên là Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn (BL 10, 15) nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nhận thấy cuộc sống chung của hai vợ chồng chỉ mới bắt đầu với thời gian hạnh phúc không lâu. Lẽ ra cả hai phải càng hiểu và quan tâm đến nhau nhiều hơn. Nhưng cả hai lại không dung hòa được mối quan hệ vợ chồng, không thiện chí hàn gắn khi có rạn nứt trong quan hệ vợ chồng.

[3] Quá trình giải quyết Tòa án cũng đã hòa giải động viên hàn gắn, nhưng hai vợ chồng H - S cũng không hàn gắn đoàn tụ được. Cả hai xác định đã ly thân từ nhiều năm nay và thống nhất thuận tình ly hôn. Điều này cũng chứng minh đời sống chung thực tế của hai vợ chồng bà H và ông S đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được. Và hôn nhân phải xuất phát từ sự tự nguyện của cả hai vợ chồng. Nên việc bà Huỳnh Thị H xin được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: cả hai đều xác định vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: cả hai thống nhất xác định không có nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được tách ra giải quyết thành vụ kiện khác theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Điều 28, 35, 39, 147, **228,** 235, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

1/- Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Cho bà **Huỳnh Thị H** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn S**.

2/- Về con chung: xác định không có nên không điều chỉnh. Nếu sau này phát sinh và các bên có yêu cầu thì được tách ra thành vụ kiện khác để giải quyết theo qui định của pháp luật.

3/- Về tài sản chung: không có và không yêu cầu nên Tòa án không điều chỉnh. Nếu sau này các bên có yêu cầu thì sẽ được tách ra thành vụ kiện khác để giải quyết theo quy định của pháp luật.

4/- Nợ chung: không có và không yêu cầu nên không điều chỉnh. Nếu sau này các bên có yêu cầu thì sẽ được tách ra thành vụ kiện khác để giải quyết theo quy định của pháp luật.

5/- Về án phí: Bà Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002064 ngày 10/8/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Huỳnh Thị H đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi cư trú thì các đương sự được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- TAND TP Cần Thơ.
- VKSND KV 3- Cần Thơ.
- UBND xã Nhơn Nghĩa,
huyện Phong Điền (cũ), TP Cần Thơ.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA Thái Mỹ Nhung

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Thái Mỹ Nhung